PHIẾU BÀI TẬP TOÁN LỚP 1

Phép trừ trong phạm vi 10 (tiếp) · sách Kết nối tri thức

Tuần 12

Họ và tên: ..... Lớp: .....

Bài 1: Tính nhẩm

9 − 4 = ☐	7 − 6 = ☐	10 − 8 = ☐	6 − 1 = ☐	8 − 0 = ☐
9 − 1 = ☐	9 − 2 = ☐	4 − 4 = ☐	7 − 2 = ☐	10 − 0 = ☐
10 − 6 = ☐	6 − 6 = ☐	7 − 1 = ☐	8 − 3 = ☐	5 − 3 = ☐

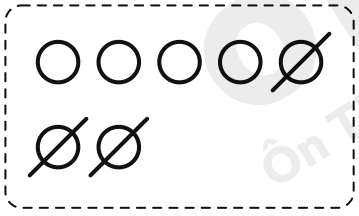
Bài 2: Số?

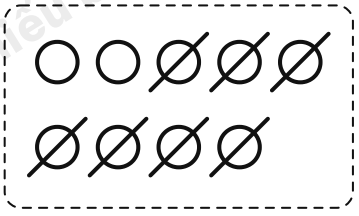
☐ − 8 = 1	☐ − 3 = 1	6 − ☐ = 3	2 − ☐ = 1	10 − ☐ = 4
☐ − 5 = 2	☐ − 1 = 2	6 − ☐ = 5	3 − ☐ = 2	☐ − 4 = 2

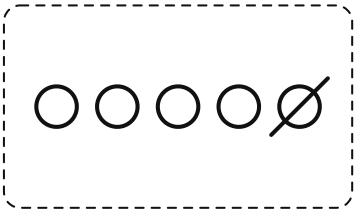
Bài 3: Điền dấu >, <, = vào ô trống

5 − 1 ☐ 6	6 − 1 ☐ 5	2 − 1 ☐ 1	3 − 2 ☐ 0
10 − 6 ☐ 4	7 − 4 ☐ 3	5 − 4 ☐ 0	9 − 1 ☐ 8

Bài 4: Viết phép trừ thích hợp (chấm bị gạch là bớt đi)







a) ☐ − ☐ = ☐

b) Phép trừ: ☐ − ☐ = ☐

c) Ta có: ☐ − ☐ = ☐

Bài 5: Đúng ghi Đ, sai ghi S

☐ a) 6 − 4 = 2

☐ b) 5 − 4 = 0

☐ c) 8 − 6 = 2

☐ d) 8 − 2 = 5

Ôn Thi · phiếu bài tập in miễn phí, có đáp án

ĐÁP ÁN – TOÁN LỚP 1

Dành cho bố mẹ, thầy cô chấm bài

Tuần 12

Bài 1: Tính nhẩm

9 – 4 = **5** 7 – 6 = **1** 10 – 8 = **2** 6 – 1 = **5** 8 – 0 = **8** 9 – 1 = **8** 9 – 2 = **7** 4 – 4 = **0**

7 – 2 = **5** 10 – 0 = **10** 10 – 6 = **4** 6 – 6 = **0** 7 – 1 = **6** 8 – 3 = **5** 5 – 3 = **2**

Bài 2: Số?

9 – 8 = 1 **4** – 3 = 1 6 – **3** = 3 2 – **1** = 1 10 – **6** = 4 **7** – 5 = 2 **3** – 1 = 2 6 – **1** = 5

3 – **1** = 2 **6** – 4 = 2

Bài 3: Điền dấu >, <, = vào ô trống

5 – 1 **<** 6 6 – 1 **=** 5 2 – 1 **=** 1 3 – 2 **>** 0 10 – 6 **=** 4 7 – 4 **=** 3 5 – 4 **>** 0 9 – 1 **=** 8

Bài 4: Viết phép trừ thích hợp (chấm bị gạch là bớt đi)

a) **7 – 3 = 4** b) **9 – 7 = 2** c) **5 – 1 = 4**

Bài 5: Đúng ghi Đ, sai ghi S

a) **Đ** b) **S** c) **Đ** d) **S**

onthi.app
Ôn Thi · phiếu bài tập in miễn phí, có đáp án